

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bà Phạm Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Ngọc H, sinh năm 1984; Trú tại 13/133 Trần Văn B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1985; Trú tại 399B Đường D, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - bà Cao Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí N tự nguyện chung sống vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2013 ngày 27/11/2013. Vợ chồng chung sống từ những ngày đầu đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N có dấu hiệu thiếu chung thủy, vợ chồng không hòa hợp, khác biệt lối sống, bất đồng quan điểm mọi mặt; tuy không hạnh phúc nhưng hai bên vẫn gắng duy trì hôn

nhân vì con. Nay nhận thấy sức chịu đựng có hạn, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí K - sinh ngày 25/8/2014 và Nguyễn Ngọc Nh - sinh ngày 29/6/2016. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H yêu cầu tự thỏa thuận với ông N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn - ông Nguyễn Chí N vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Cao Thị Ngọc H có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Chí N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết

định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại 399B Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 154/2013 cấp ngày 27/11/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo nguyên đơn trình bày, lúc bắt đầu chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do nguyên đơn không tin tưởng vào sự chung thủy của bị đơn dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhiều mặt, hai bên đã cố gắng duy trì hôn nhân vì con nhưng mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống căng thẳng kéo dài làm cho nguyên đơn kiệt sức về tinh thần và tiền bạc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bị đơn để ổn định cuộc sống.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày về mâu thuẫn hôn nhân.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết khiến quá trình chung sống giữa hai bên chỉ còn là chịu đựng, không còn hạnh phúc. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình thì: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau; nhưng ở đây, nguyên đơn và bị đơn đã không làm được điều này nên việc duy trì hôn nhân không còn ý nghĩa, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa tham gia quá trình tố tụng nhưng bị đơn không đến, điều này thể hiện bị đơn thiếu thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Về con chung: Nguyên đơn khai không có.

[2.1.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận.

[2.1.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

[2.2] Xét ý kiến bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề

ngợi Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] *Từ phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Cao Thị Ngọc H:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Cao Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Chí N.

- *Về con chung*: Bà Cao Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 25/8/2014 và Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 29/6/2016. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Chí N do bà H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà Cao Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0030890 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình, TP. HCM;
- CCTHADS quận Tân Bình, TP. HCM;
- UBND Phường X, quận T, TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai